

Bản án số: 1359/2023/DS-ST

Ngày 21 tháng 7 năm 2023

V/v: tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bích Thân**

2. Ông **Trần Ngọc Luyện**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngoan** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Giang** – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các ngày 20 và 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0605/2022/TLST – DS ngày 05/4/2022 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2023/QĐXXST – DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 237/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: L5 – 23.07 S, Phường X, quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huy: Bà **T**, sinh năm 1978, địa chỉ: 87 T, phường D, Quận Z Thành phố H. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 003243 ngày 17/03/2022 tại Văn phòng Công chứng L, Thành phố H) (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **T**, sinh năm 1976, địa chỉ: 860/42/2B Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường X, quận Y, Thành phố H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn do bà T – Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Do chỗ quen biết nên ông Nguyễn Quốc H có cho ông Trương Quang H vay số tiền 1.710.000.000đ (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng) vào ngày 27/01/2022. Đôi bên có ký kết Hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng L với thời hạn vay 01 tháng tính từ ngày ký, lãi suất vay trong hạn là 1%/tháng, mục đích kinh doanh. Hai bên còn thỏa thuận khi hết thời hạn hợp đồng mà ông Hưng không trả đủ tiền vay thì ông H sẽ bị phạt 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng)/tháng do chậm thanh toán và trả lãi với mức lãi suất quá hạn: 1,7%/tháng trên số tiền chậm trả.

Ngày 04/3/2022, ông H trả được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), sau đó, ông Hưng trốn tránh đến nay.

Nay, ông H yêu cầu ông H phải thanh toán cho ông số tiền còn nợ là 1.510.000.000đ (Một triệu năm trăm mười triệu đồng), trả tiền phạt 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) do vi phạm thanh toán và trả lãi trong hạn tính 1%/tháng từ ngày 27/01/2022, lãi quá hạn tính 1,7%/tháng từ ngày 27/2/2022 đến ngày xét xử.

Ngày 17/4/2023, nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa không thực hiện hòa giải.

Bị đơn - ông Trương Quang Hg vắng mặt suốt quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm, không có lý do, không có văn bản phản hồi gửi đến Tòa mặc dù đã được Tòa triệu tập hợp lệ.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn rút yêu cầu phạt bị đơn số tiền 100.000.000 đồng, nguyên đơn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay số tiền gốc còn nợ là 1.510.000.000đ (Một tỷ năm trăm mười triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày vay 27/01/2022, lãi quá hạn với mức 1,7%/tháng tính từ ngày 27/2/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn xác định cho ông H vay với mục đích cá nhân của ông H nên không yêu cầu trách nhiệm liên đới của bất kỳ ai đối với việc trả nợ này của ông H.

Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản phản hồi ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn: đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 466, 463, 465, 470, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 5, Điều 12 Nghị quyết 01/2019:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Đình chỉ yêu cầu phạt vi phạm 100 triệu đồng đối với bị đơn do nguyên đơn rút yêu cầu.

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 BLTTDS 2015, Điều 26 Nghị quyết 326 bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận B, Tp H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về người tham gia tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa xét xử, không có lý do mặc dù Tòa đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ kiện vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, Hợp đồng vay tiền ngày 27/01/2022 (sau đây gọi là Hợp đồng) được ký kết giữa hai chủ thể có đủ năng lực hành vi dân sự là ông Nguyễn Quốc H và ông Trương Quang H, được Công chứng viên Văn phòng Công chứng L, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận cùng ngày 27/01/2022. Đây là Hợp đồng có hiệu lực pháp luật từ thời điểm ký kết. Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận có việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn với số tiền vay là 1.710.000.000đ (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

[4] Tại phiên tòa, phía nguyên đơn khai: khi 02 bên ký vào hợp đồng vay tiền thì Hợp đồng chưa được công chứng. Ngay sau đó, nguyên đơn đã thực hiện liên tiếp 04 lần chuyển tiền cho bị đơn từ số tài khoản 131912781 mang tên Nguyễn Quốc Huy tại Ngân hàng VP Bank sang tài khoản số 9912692 mang tên Trương Quang Hưng tại Ngân hàng ACB, khi hoàn tất chuyển khoản số tiền 1.700.000.000đ (Một tỷ bảy trăm triệu đồng) cùng với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ông Hưng đã vay của ông Huy trước đó thì hợp đồng vay tiền mới được công chứng viên ký và đóng mộc công chứng.

[5] Căn cứ nội dung sao kê tại Sổ phụ kiểm phiếu báo nợ, báo có của tài khoản 131912781 mang tên Nguyễn Quốc H đã được Ngân hàng VpBank xác nhận về việc ông Huy chuyển tiền cho ông Trương Quang H vào ngày 27/01/2022, cụ thể:

- Chuyển khoản số tiền 499.000.000 từ tài khoản số 131912781 tại ngân hàng VP bank- CN Hồ Chí Minh, tên chủ tài khoản: Nguyễn Quốc H đến số tài khoản 9912692 mở tại ngân hàng ACB, tên chủ tài khoản: Trương Quang H, nội dung chuyển: “cho Anh H mượn theo hợp đồng vay tiền ngày 27/01/22 lần 1”.

- Chuyển khoản số tiền 499.000.000 từ tài khoản số 131912781 tại ngân hàng VP bank- CN Hồ Chí Minh, tên chủ tài khoản: Nguyễn Quốc H đến số tài khoản 9912692 mở tại ngân hàng ACB, tên chủ tài khoản: Trương Quang H, nội dung chuyển: “cho Anh H mượn theo hợp đồng vay tiền ngày 27/01/22 lần 2”.

- Chuyển khoản số tiền 499.000.000 từ tài khoản số 131912781 tại ngân hàng VP bank- CN Hồ Chí Minh, tên chủ tài khoản: Nguyễn Quốc H đến số tài khoản 9912692 mở tại ngân hàng ACB, tên chủ tài khoản: Trương Quang H, nội dung chuyển: “cho Anh H mượn theo hợp đồng vay 27/01/22 lần 3”. Và tại sổ phụ ngân hàng đánh dấu trang số 4 và trang số 8.

- Chuyển khoản số tiền 189.600.000 từ tài khoản số 131912781 tại ngân hàng VP bank- CN Hồ Chí Minh, tên chủ tài khoản: Nguyễn Quốc H đến số tài khoản 9912692 mở tại ngân hàng ACB, tên chủ tài khoản: Trương Quang H, nội dung chuyển: “tổng 1 tỷ 7 tiền vay đã trừ 134 triệu phí công chứng”.

[6] Xác nhận trên phù hợp với lời khai của nguyên đơn và thỏa thuận giao nhận tiền vay tại Điều 1 của Hợp đồng: “ Việc giao nhận tiền vay do hai bên tự thực hiện tại địa điểm do hai bên thỏa thuận, quyết định trước khi ký hợp đồng này...” và tại thỏa thuận về hiệu lực của Hợp đồng: “ Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày công chứng viên văn phòng công chứng Lê Thị Phương L ký và đóng dấu.”. Do đó, HĐXX đã đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã giao đủ và bị đơn đã nhận đủ tiền vay 1.710.000.000đ (Một tỷ bảy trăm mười triệu đồng).

[7] Về số tiền gốc còn nợ: Nguyên đơn xác nhận từ khi vay đến nay, bị đơn chỉ trả được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 04/3/2023 bằng hình thức trả tiền mặt trực tiếp, không có biên nhận nên số nợ gốc hiện bị đơn vẫn còn nợ là 1.510.000.000đ (Một tỷ năm trăm mười triệu đồng).

[8] Về tiền lãi được tính như sau:

- Lãi trong hạn: Căn cứ Điều 2 Hợp đồng xác định lãi suất trong hạn 1%/tháng trên số tiền nợ, thời hạn 01 tháng tính từ ngày 27/01/2022 đến 26/02/2022, như sau:

$1.710.000.000đ \times 01 \text{ tháng} \times 1\% = 17.100.000đ$ (Mười bảy triệu một trăm ngàn đồng).

- Lãi quá hạn: Căn cứ Điều 3 Hợp đồng xác định lãi suất quá hạn 1,7%/tháng tương đương 0,057%/ngày trên số tiền còn nợ. Do ngày 03/3/2022, bị đơn trả được 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nên lãi quá hạn được tính như sau:

+ Từ ngày 27/02/2022 đến 03/3/2022 là 05 ngày:

$1.710.000.000đ \times 05 \text{ ngày} \times 0,057\%/ngày = 4.873.500đ$ (Bốn triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm đồng).

+ Từ ngày 04/3/2022 đến 21/7/2023 là 503 ngày:

$1.510.000.000đ \times 503 \text{ ngày} \times 0,057\%/ngày = 432.932.100đ$ (Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm đồng).

Tổng cộng tiền lãi là 454.905.600 đồng.

[9] Căn cứ qui định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất trong hạn và quá hạn của Hợp đồng phù hợp nên HĐXX chấp nhận. Như vậy, tính đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền gốc và lãi là 1.964.905.600đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm lẻ năm ngàn sáu trăm đồng). Đến nay, số nợ đã quá hạn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

[10] Đối với yêu cầu khởi kiện phạt bị đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) do vi phạm thời hạn thanh toán, nguyên đơn đã rút yêu cầu này tại phiên tòa. Xét việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này hoàn toàn tự nguyện và không trái Luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[11] Về phía bị đơn, từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ đối với các thủ tục tố tụng theo Luật định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không có

văn bản phản hồi ý kiến hay yêu cầu gì gửi đến Tòa. Cho thấy, bị đơn tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa.

[12] Về trách nhiệm liên đới trả nợ: Xét, tại Điều 4 Hợp đồng đã nêu “ Bên B cam kết sử dụng số tiền vay vì mục đích cá nhân riêng của bên B...”. Đồng thời, nguyên đơn xác định không yêu cầu ai có trách nhiệm liên đới trong việc trả nợ này. Do đó, trong vụ kiện này, HĐXX xác định không có tư cách của Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm liên đới trả nợ với bị đơn.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 70.947.168đ (Bảy mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi tám đồng) do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.095.000đ (Ba mươi một triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000971 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 464, 465, 466, 467 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H; buộc ông Trương Quang H phải trả số tiền 1.964.905.600đ (Một tỷ chín trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm lẻ năm ngàn sáu trăm đồng) cho ông Nguyễn Quốc Huy làm một lần, ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Quốc H buộc ông Trương Quang H trả tiền phạt do vi phạm thanh toán là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Ông H được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 70.947.168đ (Bảy mươi triệu chín trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm sáu mươi tám đồng) ông Trương Quang H phải chịu.

Ông Nguyễn Quốc H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 31.095.000đ (Ba mươi một triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0000971 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án xử công khai. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thanh Thảo